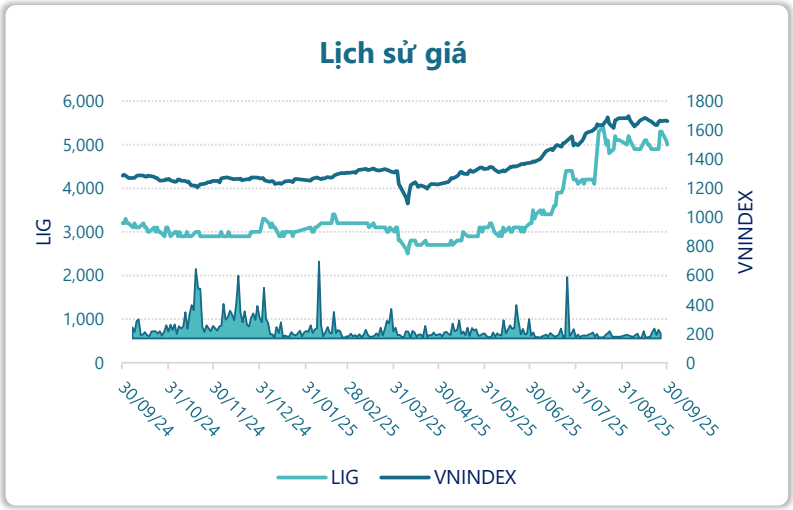
FireAnt

CTCP Licogi 13 (HNX: LIG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
SL cổ phiếu LH	94,220,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	658,680
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	471
P/E	296.2
EPS	17

DT thuần

Q3/25

1,231

tỷ VNĐ

QoQ: ▼280| -18.5%

YoY: ▲ 530| 75.6%

LN sau thuế

Q3/25

8.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.08| 61.6%

YoY: ▲ 7.18| 798%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

9T 2025

3,380

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,080| 47.0%

LN sau thuế

9T 2025

13.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.5| 1200%

ROE

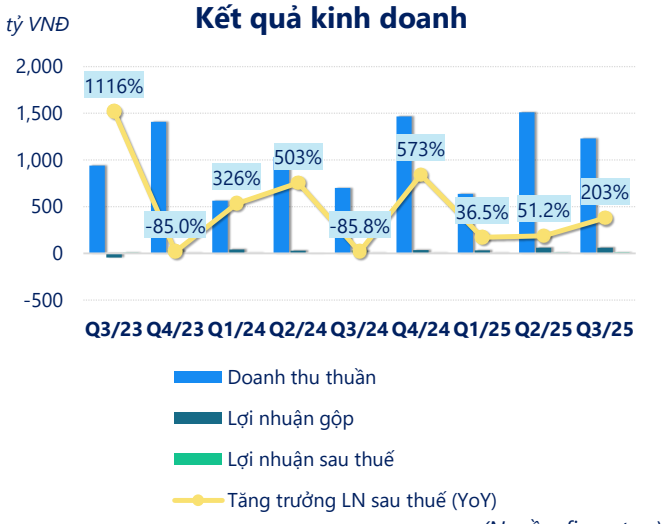
Q3/25

0.1%

+/- YoY: ▲ 0.1%

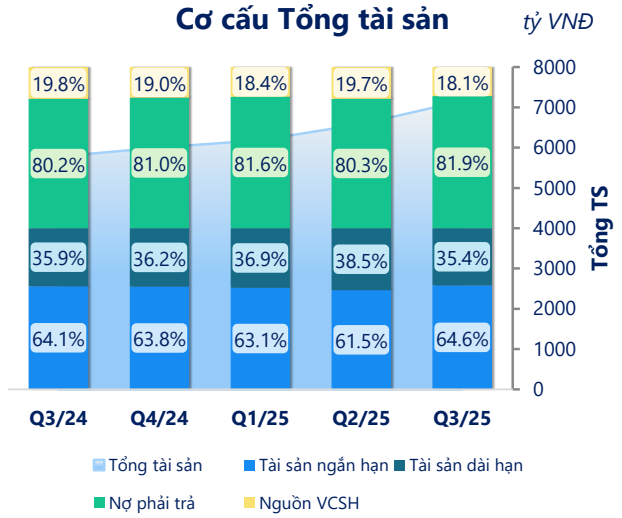
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



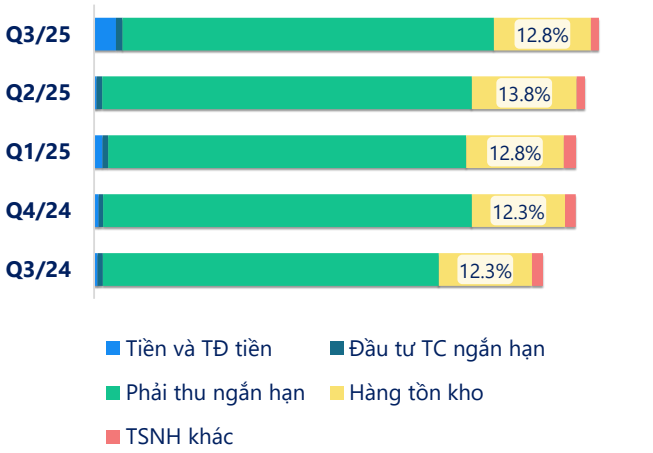
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



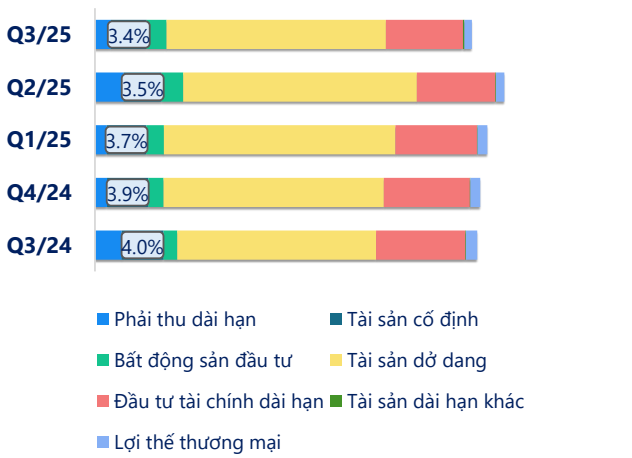
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



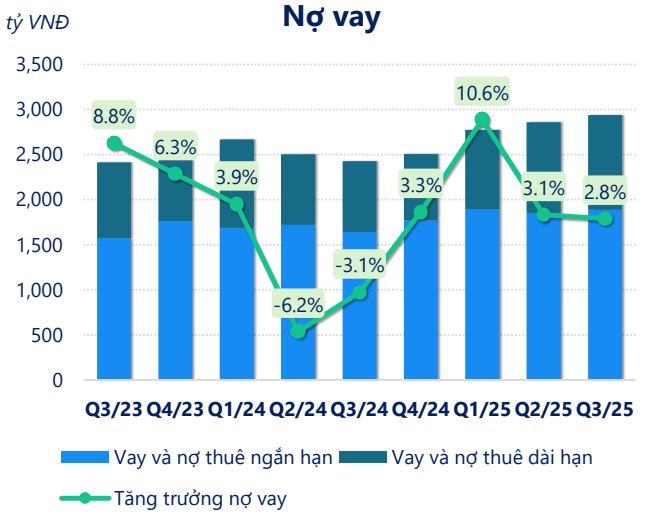
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



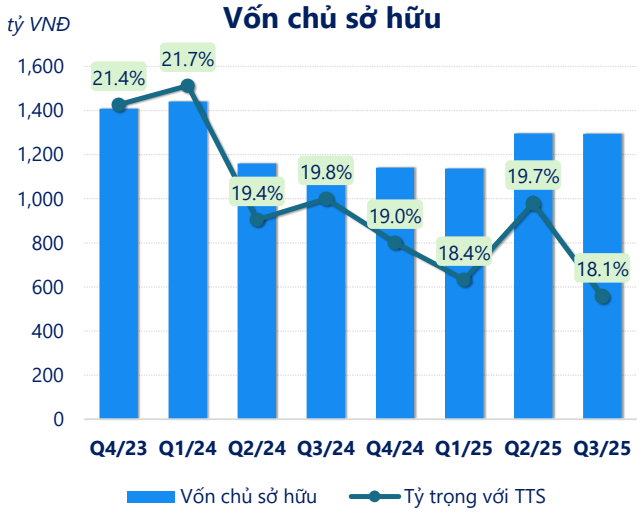
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



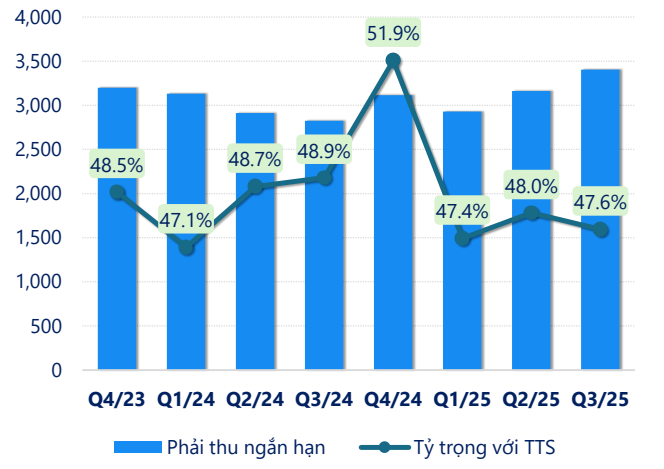
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



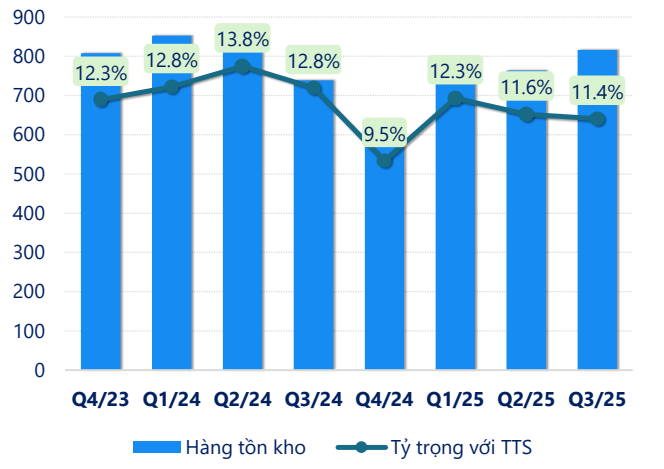
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



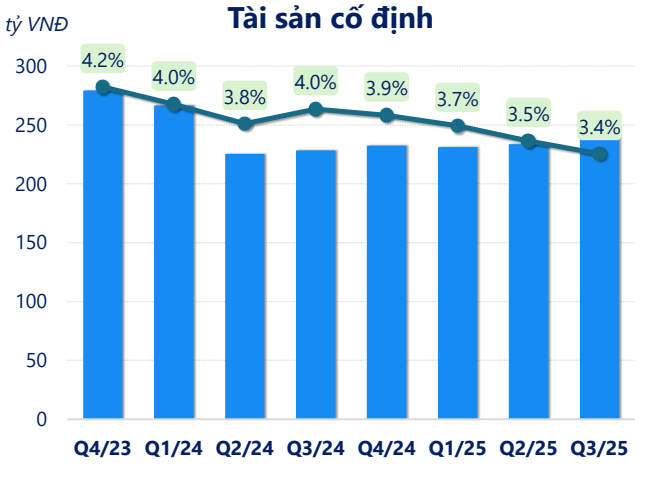
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



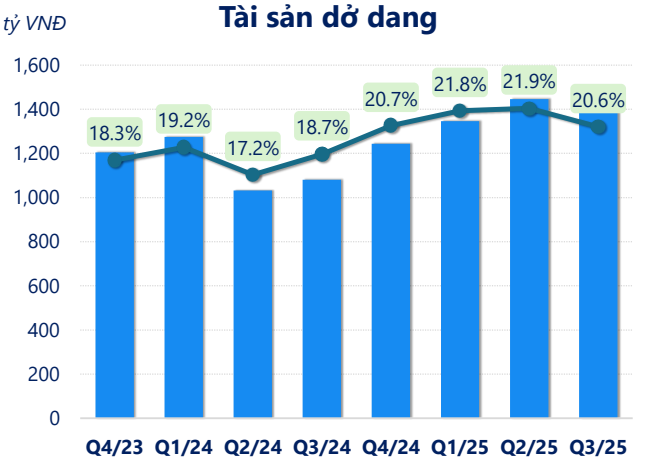
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



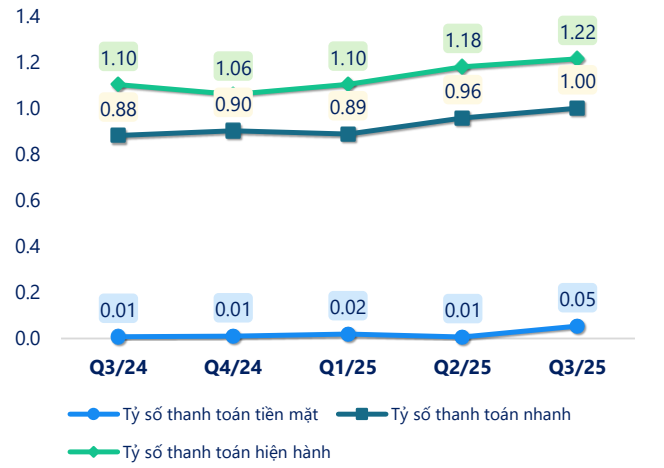
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



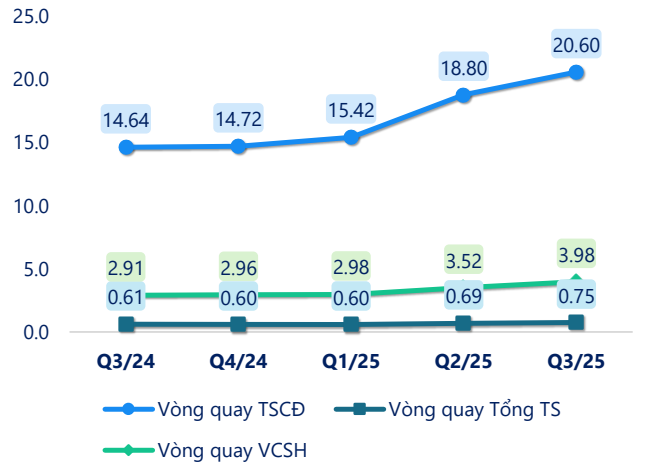
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**5,777**	**6,003**	**6,183**	**6,587**	**7,158**
Tài sản ngắn hạn	**3,701**	**3,829**	**3,902**	**4,051**	**4,621**
Tiền và tương đương tiền	27.0	36.6	67.9	22.6	205
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.8	67.9	88.6	62.5	151
Phải thu ngắn hạn	2,825	3,115	2,928	3,162	3,406
Hàng tồn kho	739	570	762	763	816
Tài sản ngắn hạn khác	59.7	39.3	54.8	40.6	42.8
Tài sản dài hạn	**2,076**	**2,175**	**2,281**	**2,536**	**2,537**
Phải thu dài hạn	144	68.6	68.1	179	107
Tài sản cố định	228	233	231	234	242
Bất động sản đầu tư	74.5	86.3	102	135	133
Tài sản dở dang	1,080	1,244	1,346	1,445	1,476
Đầu tư tài chính dài hạn	485	485	474	488	518
Tài sản dài hạn khác	3.14	3.26	3.12	3.42	9.86
Lợi thế thương mại	61.1	56.0	56.7	51.6	50.9
Nợ phải trả	**4,636**	**4,862**	**5,047**	**5,291**	**5,863**
Nợ ngắn hạn	**3,355**	**3,609**	**3,533**	**3,430**	**3,800**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,641	1,770	1,896	1,847	1,888
Phải trả người bán ngắn hạn	940	986	915	998	1,043
Nợ dài hạn	1,280	1,254	1,513	1,861	2,063
Vay và nợ thuê dài hạn	785	736	877	1,011	1,050
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,141**	**1,141**	**1,136**	**1,296**	**1,295**
Vốn chủ sở hữu	**1,141**	**1,141**	**1,136**	**1,296**	**1,295**
Vốn điều lệ	951	951	951	951	951
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)